TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày: 06-8-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Thanh Việt,

Nơi công tác: Nguyên là giáo viên

2. Ông Huỳnh Văn Nam

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuần - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Trần Thế T**, sinh ngày 08/7/1995; nơi sinh: Huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình); chỗ ở hiện nay: 170/17, khóm T, phường M, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Thế K, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1964; có 03 anh em, bị cáo thứ hai; có vợ Bùi Ngọc Á, sinh năm 2001 và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 04/12/2024, bị Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính 15.000.000 đồng về hành vi "Không đăng ký ngành nghề, đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" đến ngày 13/5/2025 đóng phạt xong.

Bị cáo T bị tạm giam từ ngày 19/3/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực L

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Bùi Ngọc Á, sinh ngày 20/10/2001; nơi sinh: huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình); chỗ ở hiện nay: Số A, khóm T, phường M, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Bùi Văn X (chết) và bà Lương Thị N, sinh năm 1967; có 02 anh em, bị cáo thứ hai; có chồng Trần Thế T, sinh năm 1995 và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Á bị tạm giam từ ngày 19/3/2025 đến ngày 28/5/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực L. Ngày 29/3/2025 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Vũ Thông T1 (T), sinh ngày 30/10/2007; nơi sinh: huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã M, tỉnh Ninh Bình); chỗ ở hiện nay: 170/17, khóm T, phường M, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Vũ Văn S1, sinh năm 1978 và bà Lại Thị T2, sinh năm 1982; có 04 chị em, bị cáo thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo T1 bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2025 đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T1: Ông Vũ Văn S1, sinh năm 1978 (cha của T1) nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã M, tỉnh Ninh Bình). Có đơn xin vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T1: Ông Phạm Minh T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A. có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ)

2. Bà Thái Thị Thu L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp). ĐT: 0365326776

3. Ông Phan Văn N1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

4. Bà Nguyễn Võ Chúc T4, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, thi5 trấn T, huyện T, Thành phố Cần Thơ (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ)

5. Bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp)

6. Bà Hà Thị Thu H1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh An Giang)

7. Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp)

8. Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp)

9. Bà Hầu Thị Mỹ T6, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang)

10. Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là phường T, Thành phố Cần Thơ)

11. Bà Dương Thị T7, sinh năm 1969. Địa chỉ: E tổ A, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang)

12. Bà Nguyễn Thị Kim T8, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang). ĐT 0584296691.

13. Bà Phạm Thị Mỹ T9, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp)

14. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ)

15. Bà Nguyễn Thị Lệ T10, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang)

16. Bà Đặng Thị N2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang)

17. Bà Lương Thị Thu T11, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). ĐT: 0589470542

18. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). ĐT 0332440996.

19. Bà Nhan Thúy L1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn \, huyện C, tỉnh An Giang. (nay là xã C, tỉnh An Giang). ĐT 0336200441.

- Người làm chứng: Trần Đình T12, sinh năm 2002, Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1984, Võ Thị Kim D, sinh năm 1998.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3 năm 2025, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu vực nhà số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường M, tỉnh An Giang) có nhóm đối tượng hoạt động cho vay lãi nặng. Lực lượng Phòng C1 - Công an tỉnh A phối hợp Công an phường M đến địa điểm trên kiểm tra hành chính. Tại thời điểm kiểm tra có mặt Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 và Nguyễn Đình T13. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, lực lượng công an kiểm tra phòng trọ số 4A, nhà trọ T15, số A khóm T, phường M, tỉnh An Giang do T và Á thuê, phát hiện thu giữ 05 giấy chứng minh nhân dân, 77 căn cước công dân, 03 giấy khai sinh, 12 sổ hộ khẩu, 03 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 06 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 hộ chiếu; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 05 giấy chứng nhận đăng ký xe; 05 thùng giấy carton bên trong chứa các tờ rơi in nội dung cho vay, nên lực lượng công an lập biên bản thu giữ các tang vật trên.

Quá trình điều tra xác định: Trần Thế T và Bùi Ngọc Á là vợ chồng, để có tiền tiêu xài T, Á thuê nhà số A, khóm T, phường M, tỉnh An Giang để ở và hoạt động cho vay tiền góp. Hình thức cho vay, không ký hợp đồng vay, biên nhận, không giữ tài sản của người vay, chỉ giữ giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, căn cước công dân và một số giấy tờ tuỳ thân khác. T, Á cho vay mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với lãi suất từ 34% đến 175%/tháng. Để thực hiện, T thuê thêm phòng trọ số 4A, nhà trọ T khóm T, phường M, tỉnh An Giang để cất giấu các giấy tờ tuỳ thân của người vay và 05 thùng giấy carton bên trong chứa các tờ rơi in nội dung cho vay có in số điện thoại của T, T1 để người vay liên hệ. Từ tháng 5 năm 2024, T và Á cho vay tiền góp trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang; huyện L, huyện T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã C, xã C, xã L, xã N tỉnh An Giang; xã T, xã T, xã T, phường T thành phố Cần Thơ; xã B, xã M, xã L, xã P tỉnh Đồng Tháp). Hàng ngày, T sử dụng xe mô tô biển số 65F1 – 634.11 để liên hệ người vay tiền và thu tiền góp, người vay tiền có thể trả tiền trực tiếp cho T hoặc chuyển khoản qua số tài khoản của T số 0946802386 đăng ký tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh N3. Đến ngày 17 tháng 01 năm 2025, T và Á thuê Vũ Thông T1 với số tiền 10.000.000 đồng/tháng, để T1 phụ giúp phát tờ rơi in nội dung cho vay có in số điện thoại 0946.802.386 của T, số điện thoại 0966.512.547 của T1. Đồng thời Á giao xe mô tô biển số 67L2-468.35 cho T1 đi thu tiền góp của những người vay. T1 trực tiếp sử dụng tiền của T, Á cho 06 người vay, người vay trả tiền trực tiếp cho T1 hoặc chuyển khoản qua số tài khoản của T1 0966512547 đăng ký tại Ngân hàng TMCP H3 chi nhánh N3, sau đó T1 đưa tiền đã thu cho T, T1 được trả công 20.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 02 năm 2025, T thuê thêm Trần Đình T12 và giao xe mô tô biển số 67AA-188.81 cho T12 phục vụ phát tờ rơi và thu tiền góp cho T, giai đoạn này T12 khai đi theo T và T1 học việc nên chưa trực tiếp cho vay, T12 được trả công 10.000.000 đồng.

Từ tháng 5 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2025, T, Á, T1 đã cho 19 người vay tiền trên địa bàn xã C, xã C, xã L, xã N, tỉnh An Giang; xã T, xã T, xã T, phường T thành phố Cần Thơ; xã B, xã M, xã L, xã P tỉnh Đồng Tháp với lãi

suất từ 34% đến 175%/tháng (tương đương 408%/năm đến 2100%/năm) và gấp 20 lần đến 105 lần theo quy định Bộ luật Dân sự với tổng số tiền vay 401.000.000 đồng, thu lợi bất chính 155.942.698 đồng. Trong đó, riêng T1 từ ngày 17 tháng 01 năm 2025 đến ngày 18 tháng 3 năm 2025, giúp sức cho T và Á cho nhiều người vay lãi nặng, thu lợi bất chính 38.878.865 đồng, cụ thể:

- Nguyễn Kim C vay 06 kỳ, mỗi kỳ từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, tổng số tiền vay 140.000.000 đồng, lãi suất 67%/tháng, thu lợi bất chính 65.107.143 đồng.

- Nguyễn Thị Lệ T10 vay 06 kỳ, mỗi kỳ từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, tổng số tiền vay 45.000.000 đồng, lãi suất từ 34% đến 67%/tháng, thu lợi bất chính 11.141.340 đồng.

- Nguyễn Võ Chúc T4 vay 05 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, lãi suất 37%, thu lợi bất chính 7.908.333 đồng.

- Lương Thị Thu T11 vay 03 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng, tổng số tiền vay 9.000.000 đồng, lãi suất 57%, thu lợi bất chính 3.334.762 đồng.

- Dương Thị T7 vay 07 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng, tổng số tiền vay 21.000.000 đồng, lãi suất 57%, thu lợi bất chính 8.372.857 đồng.

- Nguyễn Thị M vay 04 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 50%, thu lợi bất chính 8.306.643 đồng.

- Ngô Thị H2 vay 04 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 60%, thu lợi bất chính 9.258.333 đồng.

- Nguyễn Văn Bé B vay 02 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 50%, thu lợi bất chính 3.634.420 đồng.

- Nhan Thúy L1 vay 02 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 37%, thu lợi bất chính 2.832.937 đồng.

- Đặng Thị N2 vay 01 kỳ, số tiền vay 8.000.000 đồng, lãi suất 72%, thu lợi bất chính 4.193.675 đồng.

- Nguyễn Thị Kim T8 vay 02 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 37%, thu lợi bất chính 2.214.683 đồng.

- Phạm Thị Mỹ T9 vay 03 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng, tổng số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 37%, thu lợi bất chính 8.439.683 đồng.

- Hầu Thị Mỹ T6 vay 01 kỳ, số tiền vay 3.000.000 đồng, lãi suất 57%, thu lợi bất chính 1.110.238 đồng.

- Lê Thị Ngọc A vay 01 kỳ, số tiền vay 5.000.000 đồng, lãi suất 50%, thu lợi bất chính 899.155 đồng.

- Nguyễn Thành T5 vay 01 kỳ, số tiền vay 2.000.000 đồng, lãi suất 175%, thu lợi bất chính 2.726.667 đồng.

- Phan Văn N1 vay 03 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 50%, thu lợi bất chính 6.369.686 đồng.

- Dương Thị Mỹ H vay 01 kỳ, số tiền vay 3.000.000 đồng, lãi suất 57%, thu lợi bất chính 1.076.667 đồng.

- Hà Thị Thu H1 vay 02 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 60%, thu lợi bất chính 4.500.000 đồng.

- Thái Thị Thu L vay 03 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 37%, thu lợi bất chính 4.515.476 đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 18 tháng 3 năm 2025, lực lượng công an kiểm tra phòng trọ số 4A, nhà trọ T15, số A khóm T, phường M, tỉnh An Giang do T và Á thuê phát hiện và thu giữ giấy tờ tuỳ thân và tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên lập biên bản thu giữ tang vật như nội dung vụ án.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, Trần Thế T và Bùi Ngọc Á đến Công an phường M, đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:

- Thu giữ, tạm giữ: 05 chứng minh nhân dân; 77 căn cước công dân; 03 giấy khai sinh; 12 sổ hộ khẩu; 03 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 06 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 hộ chiếu; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 05 giấy chứng nhận đăng ký xe; 05 thùng giấy carton bên trong chứa tờ rơi in nội dung cho vay; 01 xe mô tô biển số 65F1 – 634.11, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ đen bạc; 01 xe mô tô biển số 67L2 – 468.35, nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh đen bạc; 01 xe mô tô biển số 67AA – 188.81, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ bạc.

- Xử lý vật chứng: Ngày 11 tháng 6 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 05 chứng minh nhân dân; 77 căn cước công dân; 03 giấy khai sinh; 12 sổ hộ khẩu; 03 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 06 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 hộ chiếu; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 05 giấy chứng nhận đăng ký xe cho những người liên quan vụ án.

Cáo trạng số 03/CT-VKSKV9, ngày 09/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang truy tố các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Vũ Thông T1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á và Vũ Thông T1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, điểm Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thế T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, n, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Á từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thông T1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 65F1 – 634.11, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ đen bạc, 01 (một) xe mô tô biển số 67L2 – 468.35, nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh đen bạc; trả lại cho bị cáo T và Á 01 (một) xe mô tô biển số 67AA – 188.81, nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ bạc; tịch thu tiêu huỷ 05 (năm) thùng giấy carton bên trong chứa các tờ rơi in nội dung cho vay; buộc các bị cáo Trần Thế T và Bùi Ngọc Á nộp lại 401.000.000 đồng tiền cho vay là phương tiện phạm tội và 155.942.698 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước; buộc bị cáo Vũ Thông T1 nộp lại 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, cũng đủ giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thông T1 phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo T1. Bị cáo T1 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á và Vũ Thông T1 không tranh luận gì khác, lời nói sau cùng chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, các bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Lời nhận tội của các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á và Vũ Thông T1 phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 5/2024 đến ngày 18/3/2025, Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 đã có hành vi cho 19 người vay tiền trên địa bàn các xã C, xã C, xã L, xã N, tỉnh An Giang; các xã T, xã T, xã T, phường T, thành phố Cần Thơ; các xã B, xã M, xã L, xã P tỉnh Đồng Tháp lấy lãi suất từ 34% đến 175%/tháng (tương đương 408% đến 2100%/năm) và gấp 20 lần đến 105 lần theo quy định Bộ luật Dân sự với tổng số tiền vay 401.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 155.942.698 đồng. Trong đó, từ ngày 17/01/2025 đến ngày 17/3/2025, T1 giúp sức cho T và Á cho vay lãi nặng thu lợi bất chính là 38.878.865 đồng và T1 hưởng lợi 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang) đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, Á, T1 cùng thực hành vi phạm tội nên là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó T, Á là người giữ

vai trò chính, bị cáo T1 là người giúp sức cho T, Á. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bạo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vì cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện bằng cách lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân để cho vay tiền với lãi suất cao từ 34% đến 175%/tháng (tương đương 408% đến 2100%/năm) và gấp 20 lần đến 105 lần theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ sức răn đe, phòng ngừa.

Đối với, Nguyễn Đình T13 từ ngày 17/02/2025 đến ngày 18/3/2025, có giúp T và Á phát tờ rơi, nhưng chưa trực tiếp cho vay, chưa giúp T và Á thu lợi bất chính trong hoạt động cho vay. Hành vi của T13 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A không quy kết trách nhiệm hình sự đối với T13 về vai trò đồng phạm với T, Á, T1 là có căn cứ.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

Về nhân thân: Năm 2024 bị cáo T từng bị Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính 15.000.000 đồng về hành vi "Không đăng ký ngành nghề, đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" đã đóng phạt xong.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thế T14, Bùi Ngọc Á bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Thông T1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Á được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội là phụ nữ mang thai theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, Á còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú, gia đình có công với cách mạng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tiết tăng năng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt tù đối với các bị cáo T, Á ngang nhau nhưng do bị cáo Á có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn, phải lo cho 02 con nhỏ nên cho bị cáo Á được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo T1 là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về các biện pháp tư pháp

- Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ của các bị cáo T, Á 03 xe mô tô và 05 thùng carton chứa tờ rơi có nội dung cho vay; 02 chiếc xe mô tô biển số 65F1 – 634.11 và biển số 67L2 – 468.35 là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 xe mô tô biển số 67AA-188.81 bị cáo Á sử dụng sinh hoạt gia đình, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho vợ chồng T, Á; 05 thùng carton chứa tờ rơi in nội dung cho vay không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- Các bị cáo T, Á cho 19 người vay số tiền là 401.000.000 đồng, đây là tiền dùng làm phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo T, Á nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Các bị cáo T, Á cho vay thu lợi bất chính được 155.942.698 đồng nên buộc bị cáo T, Á nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Như vậy, các bị cáo T, Á phải nộp tổng cộng 556.942.698 đồng.

- Bị cáo T1 được bị cáo T, Á thuê đi rải tờ rơi, trực tiếp cho vay được trả tiền công 02 tháng là 20.000.000 đồng nhưng T, Á trừ tiền nhà trọ, tiền ăn uống 02 tháng 8.000.000 đồng, còn được nhận 12.000.000 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp lại 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thế T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 19/3/2025.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Á 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2025).

Giao bị cáo Bùi Ngọc Á cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt bị cáo Vũ Thông T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo Trần Thế T và Bùi Ngọc Á 01 (một) xe mô tô biển số 67AA – 188.81 nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số số 67 002565 cấp ngày 05/11/2023.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 65F1 – 634.11 nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ đen bạc; 01 (một) xe mô tô biển số 67L2 – 468.35 nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh đen và 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056912 cấp ngày 06/10/2020 và số 130525 cấp ngày 10/9/2020.

- Tịch thu tiêu huỷ: 05 (năm) thùng giấy carton bên trong chứa các tờ rơi in nội dung cho vay.

(Vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 tỉnh An Giang)

(03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án, Toà án có nghĩa vụ giao lại cho T, Á và cơ quan thi hành án)

- Buộc các bị cáo Trần Thế T và Bùi Ngọc Á giao nộp 556.942.698 (năm trăm năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tám

đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Vũ Thông T1 nộp 12.000.000 (mười hai triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Thế T, Bùi Ngọc Á, Vũ Thông T1 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo trong vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Bị cáo (3)
- Người tham gia tố tụng (21);
- VKSND khu vực 9 – An Giang (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phân trại tạm giam KVLX (2);
- Phòng THADS KV9 – An Giang (1);
- Bộ phận THA.HS (2);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn